

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2023

V/v: “Ly hôn giữa bà H và ông S”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Hân.

2. Bà Trần Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 493/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1978. (Có mặt).

Địa chỉ 1: Số 118 N V K, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ 2: Số 43/23, Hẻm 2, đường N C T, phường Vĩnh Quang, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Ngọc S, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 118 N V K, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/7/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H và ông S tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2004.

Lý do bà H yêu cầu xin ly hôn: Bà H cho rằng, do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và

sinh hoạt thường ngày về vấn đề kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái; vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẻ và thường hay cự cãi, xúc phạm nhau. Cả hai đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm, cả hai đã tự ly thân từ tháng 09/2023 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H xác nhận có 03 con chung tên Dương Đỗ B, sinh ngày 16/9/2004; Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013.

Về tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà H yêu cầu:*

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Người con chung tên Dương Đỗ B, sinh ngày 16/9/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 người con chung tên Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Ngọc S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân ông S và bà H tự nguyện quen nhau đi đến tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn như bà H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông S cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có cự cãi do bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến. Tuy nhiên, ông S cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên ông muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Nếu bà H không muốn chung sống với ông S thì cứ sống chỗ khác nhưng vẫn giữ mối quan hệ hôn nhân, để gia đình hai bên thuận lợi trong việc tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về con chung: Có 03 người con chung như bà H trình bày là đúng.

Về tài sản chung: Ông S và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông S yêu cầu:*

Về hôn nhân: Ông S không đồng ý ly hôn với bà H và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Người con chung tên Dương Đỗ B, sinh ngày 16/9/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp, Tòa án cho ông S và bà H ly hôn thì ông S đồng ý giao 02 người con chung tên Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013 cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Bà H và S tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2004. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H,* xét thấy, vợ chồng bà H và ông S không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến từ đó thường hay cự cãi, xúc phạm nhau; vợ chồng không còn thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông S có yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, thực tế ông S lại không có bất cứ hành động nào, cũng như không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng có thể hóa giải mâu thuẫn, cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc, mà để mặc mọi việc xảy ra theo tự nhiên. Tại phiên tòa bà H thể hiện quan điểm cương quyết xin được ly hôn với ông S, không muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H được ly hôn với ông S.

[3] *Về con chung:* Có 03 con chung tên Dương Đỗ B, sinh ngày 16/9/2004; Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013.

Người con chung tên Dương Đỗ B, sinh ngày 16/9/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 16/11/2023 02 người con chung Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh đều thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng với Mẹ.

Tại phiên tòa bà H và ông S thống nhất thỏa thuận: Giao 02 người con chung tên Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa bà H và ông S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của những người con chung và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do bà H không có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị H và Dương Ngọc S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa bà H và ông S: Giao 02 người con chung tên Dương Đỗ Đăng H, sinh ngày 17/8/2013 và Dương Đỗ Đông Kh, sinh ngày 17/8/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông S được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà H phải nộp 300.000 đồng. Bà H đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0002506, ngày 26/7/2023 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà H được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa